TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BC** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 70/2019/QĐST-HNGĐ	*BC, ngày 16 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BC, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 149, 212,213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Ninh Thị Hồng H, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Số 207/01 ấp Mỹ T, xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Trương Văn N, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Số 207/01 ấp Mỹ T, xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Khu phố 3B, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 05/4/2019, bà Ninh Thị Hồng H và ông Trương Văn N có Đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn sau khi hòa giải đoàn tụ không thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Bà H và ông N tự nguyện thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có liên quan trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Ninh Thị Hồng H và ông Trương Văn N được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân thị xã BC lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Bà Ninh Thị Hồng H và ông Trương Văn N đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Giao các con chung là cháu Trương Như Ngọc, sinh ngày 08/3/2008 và cháu Trương Thảo Ngân, sinh ngày 06/5/2014 cho bà Ninh Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Trương Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng (mỗi tháng một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật (16/4/2019) cho đến khi các cháu Trương Như Ngọc và Trương Thảo Ngân đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bà Ninh Thị Hồng H và ông Trương Văn N đều có quyền lợi và nghĩa vụ đối với con chung.

Ông Trương Văn N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con các con chung, không ai được quyền cản trở ông N thực hiện quyền này.

Khi cần thiết, vì lợi ích của các con chung một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Ninh Thị Hồng H và ông Trương Văn N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

Bà H đồng ý nộp thay cho ông N 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038698 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã BC;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- UBND xã Nhơn M, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Đậu Thị T